

Số: 3324 /BDTTG-VPQGDTMN

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2026

V/v rà soát chính sách thực hiện trên địa bàn
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kính gửi: - Các bộ, cơ quan ngang bộ,
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, đến nay Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã tổ chức rà soát, phân định và phê duyệt danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 theo thẩm quyền. Trên cơ sở kết quả phê duyệt của địa phương, Bộ Dân tộc và Tôn giáo đã ban hành các Quyết định công bố theo quy định.

Kết quả phân định theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP là cơ sở xác định địa bàn và mức độ khó khăn của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, qua đó xác định những địa bàn cần được ưu tiên, tập trung nguồn lực đầu tư phát triển, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền; đồng thời là căn cứ để xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách trên địa bàn.

Thực tế cho thấy, một số chính sách hiện hành sử dụng kết quả phân định địa bàn làm điều kiện xác định đối tượng thụ hưởng. Do đó, khi kết quả phân định thay đổi, phạm vi địa bàn thuộc diện thụ hưởng có thể thay đổi, kéo theo sự thay đổi về số lượng đối tượng và kinh phí thực hiện chính sách, trong đó có các chính sách sử dụng nguồn sự nghiệp. Đây là vấn đề cần được rà soát, đánh giá đầy đủ để bảo đảm chính sách phù hợp với mức độ khó khăn của từng địa bàn, đồng thời sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu và khả năng cân đối ngân sách.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Rà soát, tổng hợp đầy đủ các chính sách đang thực hiện có liên quan đến hỗ trợ trực tiếp cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng, điều kiện hưởng, phạm vi địa bàn, mức hỗ trợ, số lượng đối tượng và kinh phí thực hiện của từng chính sách.

c) Đánh giá tác động của kết quả phân định theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP đối với phạm vi, đối tượng và kinh phí thực hiện chính sách; làm cơ sở đề xuất xử lý trong giai đoạn 2026 - 2030.

d) Làm cơ sở thực tiễn để các Bộ, ngành chủ động rà soát, điều chỉnh hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các chính sách ngành, chính sách an sinh xã hội hiện hành (về đối tượng, định mức, điều kiện thụ hưởng) cho phù hợp với kết quả phân định theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030; bảo đảm việc phân định địa bàn phản ánh đúng thực trạng kinh tế - xã hội, làm căn cứ tập trung nguồn lực đầu tư phát triển.

2. Yêu cầu

a) Rà soát các chính sách còn hiệu lực và đang thực hiện, bao gồm chính sách do Trung ương ban hành và chính sách do địa phương ban hành.

b) Làm rõ chính sách có điều kiện thụ hưởng gắn với địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực I, II, III, thôn đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn hoặc các tiêu chí địa bàn khác.

c) Phân biệt rõ đối tượng được hưởng theo địa bàn với đối tượng được hưởng theo đặc điểm của cá nhân, hộ gia đình; bảo đảm không bỏ sót hoặc xác định trùng đối tượng.

d) Số liệu rà soát phải được đối chiếu với kết quả phân định theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP và số liệu thực tế thực hiện năm 2025, năm 2026.

đ) Quán triệt nguyên tắc phân định rõ mối quan hệ giữa địa bàn và chính sách: kết quả phân định theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP là căn cứ xác định địa bàn và mức độ khó khăn; việc điều chỉnh đối tượng, điều kiện, phạm vi thụ hưởng và mức hỗ trợ thuộc trách nhiệm rà soát, đề xuất của cơ quan quản lý chính sách.

II. NỘI DUNG RÀ SOÁT

1. Rà soát các chính sách

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương rà soát các chính sách đang thực hiện có đối tượng thụ hưởng trực tiếp là cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư, trong đó tập trung vào:

a) Người dân tộc thiểu số, hộ gia đình người dân tộc thiểu số.

b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm đối tượng đặc thù.

c) Cán bộ, công chức, học sinh, sinh viên, trẻ em, phụ nữ và các nhóm đối tượng khác được hưởng chính sách theo quy định.

d) Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ trực tiếp bằng tiền, hiện vật, hỗ trợ chi phí hoặc cung cấp dịch vụ.

2. Phạm vi địa bàn rà soát

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xã, thôn, tỉnh); khu vực I, II, III; thôn đặc biệt khó khăn; xã đặc biệt khó khăn.

3. Đối với từng chính sách

Đề nghị làm rõ các nội dung sau:

- a) Tên chính sách; căn cứ pháp lý; cơ quan ban hành; thời gian thực hiện.
- b) Mục tiêu, nội dung và hình thức hỗ trợ.
- c) Đối tượng và điều kiện thụ hưởng; trong đó xác định rõ điều kiện về đối tượng và điều kiện về địa bàn.
- d) Phạm vi địa bàn thực hiện, cụ thể: vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khu vực I, II, III; thôn đặc biệt khó khăn; xã đặc biệt khó khăn.
- đ) Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện.
- e) Kết quả thực hiện năm 2025 và năm 2026, gồm: số đối tượng, số lượt đối tượng, mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện.
- g) Tác động của kết quả phân định theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP, trong đó làm rõ:

- Số đối tượng tiếp tục được hưởng chính sách;
- Số đối tượng không còn thuộc diện hưởng;
- Số đối tượng phát sinh;
- Mức tăng, giảm kinh phí thực hiện;

4. Đề xuất mô hình thiết kế chính sách.

Nghiên cứu, đề xuất phương án hoàn thiện chính sách theo hướng xác định chính xác đối tượng, địa bàn và mức độ ưu tiên hỗ trợ trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội, mức độ khó khăn và nhu cầu thực tế; bảo đảm nguồn lực được phân bổ có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả chính sách và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Trong đó, xem xét tính khả thi của việc xác định phạm vi thụ hưởng theo cấp thôn hoặc các tiêu chí đặc thù khác đối với những chính sách có điều kiện áp dụng phù hợp.

III. ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả rà soát, đề nghị các bộ, ngành, địa phương:

1. Đánh giá sự phù hợp của từng chính sách với kết quả phân định và điều kiện thực tế giai đoạn 2026 - 2030.

2. Xác định các chính sách có thay đổi về phạm vi địa bàn, đối tượng thụ hưởng hoặc kinh phí thực hiện do kết quả phân định theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP; đồng thời làm rõ trường hợp thay đổi do các nguyên nhân khác.

3. Đề xuất phương án xử lý đối với từng chính sách, gồm: tiếp tục thực hiện; điều chỉnh đối tượng hoặc phạm vi địa bàn; bổ sung quy định chuyên tiếp; sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chính sách.

4. Nêu rõ những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị cụ thể về cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các bộ, ngành

Rà soát toàn bộ các chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước có liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Căn cứ kết quả rà soát, chủ động xây dựng kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuộc lĩnh vực phụ trách để áp dụng cho giai đoạn 2026 – 2030, bảo đảm không tạo áp lực quá tải lên ngân sách nhà nước nhưng vẫn thực hiện đúng mục tiêu hỗ trợ vùng khó khăn; tổng hợp theo **Biểu số 01** kèm theo văn bản này và gửi về Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp.

2. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát các chính sách đang thực hiện trên địa bàn; đối chiếu với kết quả phân định giai đoạn 2026 - 2030; tổng hợp đầy đủ đối tượng, địa bàn, mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện theo **Biểu số 01** và **Biểu số 02** kèm theo.

Đề nghị các bộ, ngành và địa phương gửi kết quả rà soát về Bộ Dân tộc và Tôn giáo **trước ngày 20 tháng 11 năm 2026** để tổng hợp, đánh giá và báo cáo cấp có thẩm quyền.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo trân trọng đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương quan tâm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTg CP Hồ Quốc Dũng (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở Dân tộc và Tôn giáo/cơ quan công tác dân tộc và tôn giáo các tỉnh;
- Lưu: VT, VPQGDTMN (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Y Vinh Tor